

Số: 207/2024/QĐST - DS

Càng Long, ngày 30 tháng 5 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 22 tháng 5 năm 2024; về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 142/2023/TLST - DS, ngày 20 tháng 10 năm 2023.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc “*Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và hợp đồng vay tài sản*” giữa:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị L, sinh năm 1974. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lê Thị L là ông *Trần Phú L1*, sinh 1992. Địa chỉ liên hệ: *Số A P, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.*

Bị đơn: Ông Phạm Văn H, sinh năm 1960. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn H là bà *Lê Thị T*, sinh năm 1980. Địa chỉ: *Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.*

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/Bà Nguyễn Thị Mộng C, sinh năm 1990.

2/Bà Kim Thị H1, sinh năm 1997.

3/Bà Lê Thị S, sinh năm 1965.

4/Bà Phạm Thị L2, sinh năm 1985.

5/Ông Phạm Minh T1, sinh năm 1988.

Cùng địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

6/Bà Võ Thị Kim V, sinh năm 1954. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

7/Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, sinh năm 1996. Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Phạm Thị L2, ông Phạm Minh T2, bà Nguyễn Thị Mộng C, bà Lê Thị S là bà Lê Thị T, sinh năm 1980. Địa chỉ: Ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Kim Thị H1 là ông Trầm Phú L1, sinh 1992. Địa chỉ liên hệ: Số A P, khóm D, phường A, thành phố T, tỉnh Trà Vinh.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ông Trầm Phú L1 là đại diện của bà Lê Thị L với bà Lê Thị T là đại diện của ông Phạm Văn H, bà Phạm Thị L2, ông Phạm Minh T1, bà Nguyễn Thị Mộng C, bà Lê Thị S tự nguyện thỏa thuận:

+ Công nhận hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà L với ông Phạm Văn H theo giấy tay ngày 13 tháng 12 năm 2000 được ông Kim P (chồng bà L) và ông H ký tên xác nhận.

+ Công nhận cho bà Lê Thị L được quyền tiếp tục quản lý sử dụng đối với thửa đất 388, tờ bản đồ số 5, diện tích 700m² (thực đo 453,9m²), loại đất CLN và thửa đất 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 420m² (thực đo 1.134,9m²), loại đất trồng lúa; cả hai thửa đất cùng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Văn H đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất.

(Vị trí được thể hiện theo kết quả đo đạc của Văn phòng Đ chi nhánh huyện C tại Công văn số 06/CNHCL ngày 08 tháng 01 năm 2024 và sơ đồ khu đất kèm theo).

- Đề nghị Văn phòng Đ Chi nhánh huyện C làm thủ tục trình cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ hộ ông Phạm Văn H cho bà Lê Thị L diện tích đất của hai thửa đất 388 và thửa đất 389 được công nhận như đã nêu trên.

2.2. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và bà Võ Thị Kim V với bà Lê Thị T là đại diện của ông Phạm Văn H, bà Lê Thị S, ông Phạm Minh T1, bà Nguyễn Thị Mộng C tự nguyện thỏa thuận:

+ Ông Phạm Văn H, bà Lê Thị S, ông Phạm Minh T1, bà Nguyễn Thị Mộng C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và bà Võ Thị Kim V số tiền vay còn nợ là 500.000.000đồng (Năm trăm triệu đồng). Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và bà Võ Thị Kim V thống nhất nhận số tiền này và không yêu cầu tiền lãi.

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và bà Võ Thị Kim V tự nguyện trả lại cho ông Phạm Văn H, bà Lê Thị S, ông Phạm Minh T1, bà Nguyễn Thị Mộng C hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (bản chính) đối với thửa đất 388, tờ bản đồ số 5, diện tích 700m², loại đất CLN và thửa đất 389, tờ bản đồ số 5, diện tích 420m², loại đất trồng lúa; cả hai thửa đất cùng tọa lạc tại ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh do ông Phạm Văn H đại diện hộ đứng tên quyền sử dụng đất.

- Về thời gian trả tiền và trả giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Bà Nguyễn Thị Ngọc H2 và bà Võ Thị Kim V với bà Lê Thị T là đại diện của ông Phạm Văn H, bà Lê Thị S, ông Phạm Minh T1, bà Nguyễn Thị Mộng C tự

nguyện thỏa thuận do Cơ quan Thi hành án dân sự huyện C giải quyết theo Luật Thi hành án dân sự.

- Về trách nhiệm do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Kể từ ngày Quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.3. Về chi phí thẩm định và định giá: Là 2.757.000đồng (*Hai triệu bảy trăm năm mươi bảy nghìn đồng*); ông Trầm Phú L1 là đại diện của bà Lê Thị L tự nguyện chịu toàn bộ số tiền này, do bà L đã nộp tạm ứng trước và đã chi phí xong, nên bà L không phải nộp.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Đối với tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất: Là 150.000đồng (*Một trăm năm mươi nghìn đồng*) án phí. Ông Trầm Phú L1 là đại diện của bà Lê Thị L với bà Lê Thị T là đại diện của ông Phạm Văn H tự nguyện thỏa thuận mỗi bên nộp phân nửa án phí, tức là bà L nộp 75.000đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*) và ông H nộp 75.000đồng (*Bảy mươi lăm nghìn đồng*).

+Đối với ông H thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên ông H được miễn nộp toàn bộ án phí, do đó ông H không phải nộp.

+Đối với số tiền 300.000đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0017913 nộp ngày 19 tháng 10 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được khấu trừ vào số tiền án phí mà bà L có nghĩa vụ nộp, số tiền chênh lệch còn lại hoàn trả bà L.

- Đối với tranh chấp hợp đồng vay tài sản: Là 12.000.000đồng (*Mười hai triệu đồng*) án phí. Bà Nguyễn Thị Ngọc H2, bà Võ Thị Kim V với bà Lê Thị T là đại diện của ông Phạm Văn H, bà Lê Thị S, ông Phạm Minh T1, bà Nguyễn Thị Mộng C tự nguyện thỏa thuận mỗi bên nộp phân nửa án phí; tức là phía bà H2 và bà V cùng nộp 6.000.000đồng (cụ thể bà H2 nộp 3.000.000đồng, bà V nộp 3.000.000đồng); phía ông H, bà S, ông T1 và bà C cùng nộp 6.000.000đồng (tức là mỗi người phải nộp là 1.500.000đồng).

+ Đối với bà V thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên bà V được miễn nộp toàn bộ án phí, do đó bà V không phải nộp.

+ Đối với ông H thuộc diện người cao tuổi (trên 60 tuổi) nên ông H được miễn nộp toàn bộ án phí, do đó ông H không phải nộp.

+Đối với số tiền 6.000.000đồng (*Sáu triệu đồng*) tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số 0003238, nộp ngày 16 tháng 4 năm 2024 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được khấu trừ vào số tiền án phí mà bà H2 có nghĩa vụ nộp, số tiền chênh lệch còn lại hoàn trả bà H2.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật thi hành ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự ”.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Thanh